TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2019/HNGĐ – ST
Ngày 21-8-2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót.

2. Bà Võ Thị Tố Quyên.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Khôi–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2019/TLST– HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1736/2019/QĐST–HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp AH, xã m, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm: 1964, vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Mai Thị T trình bày:

Về hôn nhân: vào năm 2008 chị với anh T sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian sống chung chị với anh T không có con chung, không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung.

Tuy nhiên, khoảng 11 năm 2018 chị với anh T không còn sống chung, lý do: do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Gia đình anh T và chị nhiều lần khuyên nhưng anh T không sửa đổi. Chị nhận thấy chị với anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi với anh T là vợ chồng.

- Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thẩm quyền*: anh T có đăng ký hộ khẩu tại số nhà 112/4 khu phố 4, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về tố tụng:* sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh T các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đều vắng mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chị và anh T sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì không còn sống chung. Xét thấy: chị T và anh T chung sống với nhau từ năm 2008, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Đồng thời, từ khi không còn sống chung đến nay chị T với anh T cũng không có thiện chí hàn gắn với nhau. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lẽ đó việc chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

2. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa*

vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

[3] Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

[4] Về tài sản chung**:** không có nên không yêu cầu giải quyết

[5] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Mai Thị T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị T với anh T.

2. Về con chung**:** không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phì đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003830 ngày 28/5/2019 và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tố Quyên–Nguyễn Văn Chót **Trần Thị Vân**

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ